TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 24 - 12 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh An;

2. Ông Trần Văn Đoàn;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L1 số: 596/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1994 (Xin vắng mặt);

Cư trú: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An;

- *Bị đơn:* Ông Lê Chí L1, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Nơi ĐKTT: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Hiện trú tại: Ấp C1, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông Lê Chí L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống và kinh tế, không hòa giải được. Từ năm 2022, bà về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, hiện tại bà và ông L1 có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Chí L1.

Về con chung: Bà và ông L1 có 01 con chung tên Lê Chí L2, sinh ngày 27/02/2018. Từ trước đến nay, con sống với ông Lê Chí L1. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con cho ông Lê Chí L1 tiếp tục nuôi. Bà và ông L1 tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông L1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Lê Chí L1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông L1 vắng mặt không có L1 do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Lê Chí L1 có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có L1 do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Lê Chí L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L trình bày sau thời gian chung sống, bà và ông L1 phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông L1. Bà và ông L1 sống riêng từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, ông L1 vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L. Qua đó, xác định ông L1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữa ông L1 và bà L không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn sống chung với nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Lê Chí L1.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông L1 có 01 con chung tên Lê Chí L2, sinh ngày 27/02/2018. Khi ly hôn, bà L giao con chung cho ông L1 trực tiếp nuôi. Xét thấy, từ khi bà L đi nơi khác sinh sống thì con chung sống với ông L1, được ông

L1 trực tiếp nuôi, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo ý kiến của bà L về việc giao con chung cho ông L1 trực tiếp nuôi, ông L1 không có ý kiến phản đối. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm duy trì môi trường sống bình thường, tránh làm xáo trộn cuộc sống của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung tên Lê Chí L2 cho ông Lê Chí L1 trực tiếp nuôi theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định bà và ông L1 không có tài sản chung, nợ chung; ông L1 vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L1 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Lê Chí L1.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Lê Chí L1.

- Về con chung: Giao ông Lê Chí L1 được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Chí L2, sinh ngày 27/02/2018.

Sau khi ly hôn, ông L1, bà L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Bà L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông L1. Bà L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông L1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L. Ông L1 không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013518 ngày 18/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- UBND xã/phường nơi ĐKKH;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương